

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20/5/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phương Văn Tư

2. Ông Hoàng Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn B - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị D, sinh năm 1999; Địa chỉ: xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt;

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Ú, sinh năm 1992; Địa chỉ: xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Sùng Văn N - Tư vấn viên pháp luật thuộc Trung tâm T2, địa chỉ: Số C, đường N, tổ E, Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C; Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thu P – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

(Bà P đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Lương Thị D trình bày:

Chị Lương Thị D kết hôn tự nguyện với anh Hoàng Văn Ú vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng tại xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm hay cãi vã và chồng nghiện ma túy, không quan tâm vợ con, chồng kiếm tiền không đủ cho vợ con sinh sống nên chị đi làm công nhân. Đi làm mấy tháng đầu có gửi tiền và quần áo về cho con nhưng chồng không cho con mặc, chị về cấm không cho gặp con nên chị đã không gửi tiền và quần áo cho con từ đó đến nay. Đã ly thân từ năm 2021, quá trình sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ú.

Về con chung: Chị D và anh Ú có một con chung tên Hoàng Thị Bích P1, sinh ngày 18/11/2019. Hiện tại con chung đang ở cùng anh Ú. Khi ly hôn, chị D đề nghị cho anh Ú trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2024 và các lần hòa giải bị đơn anh Hoàng Văn Ú trình bày:

Anh Hoàng Văn Ú và chị Lương Thị D có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chị D bỏ đi làm công nhân ít quan tâm tới gia đình, chồng con. Vợ chồng đã ly thân với nhau một thời gian dài không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh Ú hoàn toàn nhất trí. Anh Ú xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Bích P1, sinh ngày 18/11/2019. Anh đề nghị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành. Yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng. Anh Ú trình bày hiện nay vợ chồng có nợ ngân hàng C xã hội huyện T số tiền 43.000.000 đồng để xóa nhà tạm. Ly hôn anh đề nghị Tòa án chia đôi số nợ trên, cả anh và chị D đều phải có trách nhiệm trả.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội huyện C do bà Hoàng Thu H, Giám đốc Ngân hàng đại diện theo pháp luật trình bày: Chị D và anh Ú có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện T tổng số tiền 43.000.000 đồng, nay anh chị ly hôn quan điểm của Ngân hàng chính sách anh Ú và chị D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Vì công việc bận nên bà P1 đề nghị không tham gia phiên tòa. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh về tình trạng Hôn nhân và gia đình giữa vợ chồng chị Lương Thị D và anh Hoàng Văn Ú ngày 06/01/2025, tại xóm P và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T: Trong quá trình chung sống tại địa phương hai vợ chồng Lương Thị D và Hoàng Văn Ú có xảy ra mâu thuẫn, mới đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng nhau đi làm công nhân được một thời gian anh Ú đã về nhà, không đi làm nữa, chị D cũng đi khỏi nhà được 02 năm, lễ tết không thấy về. Trước đó anh Ú có sử dụng ma túy nhưng đến thời điểm hiện nay không nghiện ma túy. Gia đình Hoàng Văn Ú thuộc đối tượng hộ nghèo của xóm, hiện nay đã được nhà nước hỗ trợ xây nhà riêng, gia đình anh Ú có mẹ và con gái. Hàng ngày, Ú vẫn đưa đón con đi học. Mức cấp dưỡng, nuôi dưỡng trung bình một cháu bé tại địa phương khoảng 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng.

Tại phiên tòa Chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn anh Ú, sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh Ú trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với số nợ 43.000.000 đồng tại ngân hàng C tại phòng giao dịch huyện C, khi làm thủ tục vay chị không biết nên chị không nhất trí trả khoản nợ này.

Tại phiên tòa, anh Ú nhất trí ly hôn với chị D và đồng ý việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con như ý kiến chị D trình bày; Đối với khoản vay ngân hàng chính sách xã hội huyện C 43.000.000 đồng anh tự nguyện trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Cao Bằng. Ngoài ra, anh Ú yêu cầu chị Lương Thị D phải trả số tiền 25.000.000 đồng tiền thách cưới mà gia đình anh đã mang sang nhà chị D khi tổ chức lễ cưới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Sùng Văn N trình bày: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị D và anh Hoàng Văn Ú; Về con chung khi ly hôn đề nghị giao cháu Hoàng Thị Bích P1, sinh ngày 18/11/2019 cho anh Hoàng Văn Ú trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, việc cấp dưỡng được tiến hành khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với khoản nợ chung tại phiên tòa anh Hoàng Văn Ú đã tự nguyện trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 43.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Ú. Đối với số tiền 25.000.000 đồng tiền thách cưới theo phong tục tập quán anh Ú yêu cầu chị D trả, yêu cầu này không có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và các đương sự kê từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 55, 57, 58, 81,

82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội để giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị D và anh Hoàng Văn Ú.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị D và anh Ú về việc giao con chung Hoàng Thị Bích P1, sinh ngày 18/11/2019 cho anh Hoàng Văn Ú chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến 18 tuổi. Chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Văn Ú về việc trả 43.000.000 đồng vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Cao Bằng.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Chị D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Ú phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, Cao Bằng.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Chị Lương Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn Ú có nơi đăng ký thường trú và cư trú tại: Xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Lương Thị D yêu cầu ly hôn anh Hoàng Văn Ú, khi ly hôn giao con cho anh Ú trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị D và anh Hoàng Văn Ú tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 23/7/2019 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại thời điểm đăng ký cả chị D, anh Ú đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và đủ tuổi kết hôn, cũng như

không thuộc một trong các trường hợp cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị D và anh T1 là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn chị D và anh Ú chung sống hòa thuận hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên đến khoảng năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm hay cãi vã, không quan tâm vợ con, chồng kiếm tiền không đủ cho vợ con sinh sống nên chị đi làm công nhân. Đi làm mấy tháng đầu có gửi tiền và quần áo về cho con nhưng chồng không cho con mặc, chị về cấm không cho gặp con nên chị đã không gửi tiền và quần áo cho con từ đó đến nay. Đã ly thân từ năm 2021, quá trình sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai.

Nay chị D khẳng định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên kiên quyết xin ly hôn. Về phía bị đơn anh Hoàng Văn Ú cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn.

Như vậy có thể thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh Ú đã đến mức không thể hàn gắn, hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong các lần hòa giải và tại phiên tòa chị D và anh Ú đều nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh Ú.

[5]. *Về con chung*: Chị Lương Thị D và anh Hoàng Văn Ú có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Bích P1, sinh ngày 18/11/2019. Hiện nay cháu P1 đang ở cùng anh Ú. Khi ly hôn, chị D và anh Ú thống nhất giao con chung cho anh Ú trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy: Việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, cháu Hoàng Thị Bích P1 đã ở với anh Ú từ khi chị D đi làm công nhân cho đến nay. Chị D và anh Ú đều thống nhất giao cháu P1 cho anh Ú trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành, việc thỏa thuận này là tự nguyện nên hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị D và anh Ú về việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị D và anh Ú thỏa thuận được, chị D là người không trực tiếp nuôi con sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6]. *Về tài sản chung*: Chị D và anh Ú đều xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung:

Qua bản tự khai và những tài liệu chứng cứ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C cung cấp có đủ cơ sở khẳng định hiện nay chị Lương Thị D và anh Hoàng Văn Ú có vay của ngân hàng chính sách xã hội huyện C 43.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6600000722279224 ngày 06/3/2022 để mua trâu sinh sản với thời hạn vay 05 năm. Quan điểm của ngân hàng T3 món vay chưa đến hạn, nhưng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng, đề nghị tòa án xác định nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng Lương Thị D và anh Hoàng Văn Ú.

Quá trình giải quyết vụ án chị D trình bày không biết khoản vay này, chị không nhất trí trả khoản vay 43.000.000 đồng, anh Ú phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ này cho ngân hàng chính sách xã hội huyện T. Anh Ú xác nhận đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Ú và chị D để mua trâu sinh sản phục vụ cho phát triển kinh tế gia đình, khi tiến hành thủ tục vay vốn chị D không có mặt. Việc vay tiền nhằm mục đích phục vụ cuộc sống gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Lương Thị D và anh Hoàng Văn Ú. Tại phiên tòa anh Ú tự nguyện trả khoản vay 43.000.000 đồng và lãi phát sinh tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Cao Bằng và không yêu cầu chị D cùng trả nợ, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Ú.

[8]. Các vấn đề khác: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Hoàng Văn Ú yêu cầu chị Lương Thị D trả số tiền thách cưới trước khi hai anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương với số tiền 25.000.000 đồng là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Quan điểm đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn về nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[10]. Về án phí:

- Đối với án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa Chị D và anh Ú đều thuận tình ly hôn, nhưng không thỏa thuận được về vấn đề cấp dưỡng nuôi con và nợ chung. Do đó, Chị D và anh Ú phải chịu 50% án mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định).

- Đối với án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị D là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Đối với án phí dân sự có giá ngạch: Anh Ú tự nguyện trả khoản nợ chung 43.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C. Do đó, anh Ú phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 43.000.000 đồng đã vay.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, điểm a khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị D và anh Hoàng Văn Ú.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị D và anh Ú về việc giao cháu Hoàng Thị Bích P1, sinh ngày 18/11/2019 cho anh Ú trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Lương Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Văn Ú về việc trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền nợ gốc là 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng chẵn) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6600000722279224 ngày 06/3/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

Chị Lương Thị D phải chịu 75.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự theo biên lai số 0002728 ngày 08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Anh Hoàng Văn Ú phải chịu 75.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 2.150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Cao Bằng;
- VKS huyện Trùng Khánh;
- Chi cục THA dân sự huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Cao Thăng;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Hoài